

NÔN MỬA

A. Biện chứng luận trị

Nôn mửa là một triệu chứng gây ra bởi nhiều loại bệnh. Đông y cho rằng bệnh này do vị mất hoà giáng, trọc khí nghịch lên gây ra. Người bị cảm ngoại tà, thức ăn trệ lại, hoặc đàm ẩm ở trong, hoặc tình chí mất điều hoà, can khí phạm vị phát sinh ra nôn mửa, thuộc về thực chứng. Nếu do sau khi bị bệnh nhiệt, vị âm bị thương hoặc tỳ vị hư nhược, dương khí của trung tiêu bất chấn mà phát sinh, thì thuộc hư chứng. Y học hiện đại cho rằng nôn mửa có thể do bệnh ở hệ thống thần kinh trung ương, như viêm màng não lây, viêm não Nhật Bản B, tai biến mạch máu não và u não, hoặc do bệnh ở hệ thống tiêu hoá. Phần này chủ yếu giới thiệu về bệnh ở hệ thống tiêu hoá, trong đó nôn mửa là chứng chính.

B. Điểm chủ yếu để kiểm tra

1. Nôn mửa đột nhiên phát sinh, nôn vọt ra, không đau quặn bụng, mà kèm chứng trạng ở hệ thống thần kinh, phải nghĩ đến bệnh của thần kinh trung ương. Nếu kèm theo sốt, có triệu chứng kích thích màng não, kèm viêm phổi hoặc chứng viêm ở các nơi khác, thường do viêm hệ thống thần kinh trung ương, hoặc là bệnh lây cấp tính, kèm viêm màng não. Nếu có đau đầu, huyết áp tăng cao, liệt nửa người, ngoại thương, hoặc những biểu hiện khác của bệnh thần kinh, phải phân biệt thêm bệnh não cao huyết áp tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não, hoặc khối u não.

2. Nôn mửa kèm theo đau quặn vùng bụng thường thuộc bệnh đường ruột. Cần chú ý đến chế độ ăn uống và thuốc men, để phân biệt tiêu hoá kém, ngộ độc thức ăn, hoặc thuốc. Chú ý thời gian phát sinh nôn mửa cùng với lượng và chất, để phân biệt ở thực quản, dạ dày hay ruột. Thức ăn chưa đến dạ dày đã nôn ngay thường thuộc bệnh thực quản. Nôn sau khi ăn hoặc sau khi ăn khoảng 2 đến 3 giờ đồng hồ, kèm theo có đau bụng trên, thường là bệnh ở dạ dày hoặc đường ruột. Nôn mửa sau khi ăn từ 4 đến 6 giờ đồng hồ, thường thấy ở loét tá tràng. Nôn sau khi ăn từ 6 đến 12 giờ, ra nhiều đồ ăn có mùi hôi, chua, thậm chí, ra đồ ăn đã qua ruột 1 ngày, thường thấy do hẹp môn vị. Nếu nôn ít, không tìm được nguyên nhân, thường là nôn mửa thuộc về thần kinh.

3. Chú ý các chứng kèm theo như: kèm theo đau bụng nghiêm trọng, phải nghĩ đến bệnh cấp tính ở ổ bụng. Kèm theo ỉa chảy, phải nghĩ đến bệnh viêm đường ruột. Kèm theo hôn mê, phải hỏi tiền sử bệnh, nghĩ đến chứng ngộ độc urê huyết cao, ngộ độc axeton trong bệnh đái đường, hoặc hôn mê gan. Đàn bà thấy tắt kinh gần 2 tháng phải nghĩ đến có thai.

4. Nôn mửa kịch liệt, phải chú ý quan sát hiện tượng mất nước và rối loạn điện giải.

C. Cách chữa

1. Bằng châm cứu

a. Thể châm: Nội quan, Trung quản, Túc tam lý.

Gia giảm:

- Thuộc nhiệt: Thêm Hợp cốc, Nội đình.

- Thuộc hàn: *Trung quản*, châm xong phải cứu.
- Can vị bất hoà: *Gia Dương lãng tuyên*, *Thái xung*.
- Tỳ hư: *Gia cứu Chương môn*, *Tỳ du*.

b. Nhĩ châm: *Vị*, *Tỳ*, *Giao cảm*, *Thần môn*.

2. Biện chứng thí trị

Nhằm vào bệnh lý chủ yếu của bệnh, cách chữa phải hoà vị giáng nghịch là chủ yếu, kiêm phân biệt chứng hư, thực hàn, nhiệt khác nhau, gia giảm mà chữa.

Bài thuốc: *Tiểu bán hạ gia Phục linh thang*.

<i>Bán hạ</i>	3 đồng cân,	<i>Sinh khương</i>	3 đồng cân,
<i>Phục linh</i>	3 đồng cân,	<i>Trần bì</i>	3 đồng cân.

Gia giảm:

a. Do ngoại cảm phong hàn kiêm sợ lạnh, phát sốt, buồn bần trong ngực, bụng trướng, rêu lưỡi mỏng, mạch phù (sờ nhẹ đã thấy, ấn nặng thì mất), thì gia: *Hoắc hương* 3 đồng cân, *Tử tô* 3 đồng cân, *Xuyên phác* 1,5 đồng cân.

b. Do ngoại cảm thử thấp có kiêm thấy ngực buồn bần, bụng trên đầy tức, bứt rứt, miệng khát, rêu lưỡi mỏng và vàng trơn, gia *Hoắc hương* 3 đồng cân, *Bội lan* 3 đồng cân, *Hoàng liên* 8 phân, *Trúc nhự* 3 đồng cân.

c. Do ăn uống đình trệ, nôn ra đồ ăn chua hôi, bụng trên trướng đầy, ợ hơi nóng, phân lỏng hoặc táo, rêu lưỡi vàng trơn, mạch hoạt gia *Tiêu lục khúc* 3 đồng cân, *Sơn tra* 3 đồng cân, *Lai phục tử* 3 đồng cân.

d. Nếu bụng trướng rất dữ hoặc kèm có đau bụng, phân táo bón, lại gia *Chỉ thực* 3 đồng cân, *Sinh đại hoàng* 3 đồng cân.

đ. Do đàm ẩm nội đình mà nôn nước trong hoặc đờm dãi, bụng trên buồn bần không muốn ăn, đầu choáng, hồi hộp, rêu lưỡi trắng trơn, mạch hoạt, gia *Quế chi* 1 đồng cân, *Bạch truật* 3 đồng cân, *Xuyên phác* 1,5 đồng cân.

e. Do Can khí phạm vị mà ợ chua, ợ nóng, bụng trên và sườn trướng đau, buồn bần bứt rứt không thư, miệng khô đắng, ven lưỡi hồng, rêu lưỡi mỏng trơn, mạch huyền, gia: *Tô ngạnh* 3 đồng cân, *Hoàng liên* 5 phân đến 1 đồng cân, *Ngô thù* 5 phân.

g. Nếu do Tỳ vị hư hàn mà sắc mặt trắng bọt, mệt mỏi không có sức, chân tay không ấm, bụng trên lạnh, nôn ra nước trong và ít đồ ăn, khi nôn, khi dừng, phân lỏng nát, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trơn, mạch tế, thì bỏ *Sinh khương*, gia *Đảng sâm* 3 đồng cân, *Bạch truật* 3 đồng cân, *Can khương* 1 đồng cân, *Chế phụ tử phiến* 1,5 đồng cân, *Chích cam thảo* 1 đồng cân.

h. Do Vị âm bất túc, miệng khô, họng khan, nôn khan, đến bữa không muốn ăn, bí ỉa, lưỡi đỏ ít bọt, mạch tế, sắc, bỏ *Sinh khương*, gia *Bắc sa sâm* 3 đồng cân, *Mạch môn* 3 đồng cân, *Thạch hộc* 3 đồng cân, *Trúc nhự* 3 đồng cân, *Chích cam thảo* 1 đồng cân.

3. Đơn thuốc một vị

- *Gừng sống* nhiều ít cũng được, giã lấy nước trấp^(*) đắp ở đầu lưỡi hoặc uống vào trong, có tác dụng **hoà vị, chỉ nôn**.
- *Lô căn* từ 2 đến 4 lạng, sắc với nước uống, có tác dụng **sinh tân, chỉ nôn**.
- *Trúc nhựt, Bạch mao căn, Tỳ bà diệp*, mỗi thứ 3 đồng cân, sắc nước đổ cho uống, có tác dụng **thanh nhiệt, hoà vị, chỉ nôn**.
- *Hoắc hương, Bội lan*, mỗi thứ 3 đồng cân, sắc với nước đổ cho uống, có tác dụng **thanh thử, hoá thấp, hoà vị, chỉ nôn**.
- *Đỗ tâm thổ* (đất trong lòng bếp) từ 2 đến 4 lạng, đun nhừ ra, lọc lấy nước trong cho thêm *nước gừng nấu* và *đường đỏ* ngoáy lên uống, có tác dụng **dứt nôn, dứt ỉa chảy**.

^(*) Nước trấp: Nước tự nhiên, không pha, không đun.